

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 357/2025/HS-PT

Ngày: 23 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng

Các Thẩm phán: Ông Chu Thành Quang

Ông Nguyễn Tất Nam

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai, trực tuyến (Điểm cầu trung tâm: Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội; Điểm cầu thành phần: Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang) vụ án hình sự thụ lý số 525/2025/TLPT-HS ngày 19 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo Đinh Tiến Đ bị kết án về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”, do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đối với Bản án số 16/2025/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang (Nay là Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang).

- **Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:**

Đinh Tiến Đ, sinh năm 1985; Nơi đăng ký HKTT: Thôn H, xã H, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là thôn H, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình); Nơi tạm trú tại: T6, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang (Trước đây là T6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang); Nghề nghiệp khi phạm tội là cán bộ tín dụng Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn K và bà Đinh Thị T; Có vợ là Trịnh Thị M (đã ly hôn) và có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/3/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Đặng Thị Vân T, Luật sư của Văn phòng Luật sư K, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Trong vụ án còn có người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/01/2024, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang tiếp nhận tin báo của Phòng An ninh kinh tế Công an tỉnh về vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật của Đinh Tiến Đ - Cán bộ tín dụng Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (CSXH) huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

Kết quả điều tra xác định: Tháng 04/2011, Đinh Tiến Đ được tuyển dụng vào công tác tại Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Đ, được Lãnh đạo Phòng giao dịch phân công nhiệm vụ là cán bộ tín dụng. Từ tháng 2/2016 đến tháng 11/2023, Đ được giao phụ trách địa bàn 04 xã T, S, P, L. Nhiệm vụ theo Công văn số 3249/NHCS-TDNN ngày 12/10/2012 V/v phân công cán bộ tín dụng theo địa bàn xã, phường thị trấn và thông báo phân công nhiệm vụ của Phòng giao dịch hàng năm là: Thực hiện cho vay, thu nợ, quản lý nợ; Tổ chức, hướng dẫn và theo dõi hoạt động của các Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV); Theo dõi việc tổ chức thực hiện Hợp đồng ủy thác của đơn vị ủy thác cấp xã; Là đầu mối trong quan hệ giữa Ngân hàng chính sách xã hội với UBND cấp xã; Quản lý và tham mưu thực hiện điểm giao dịch xã; Theo dõi hoạt động ủy thác, thực hiện nội dung văn bản liên tịch đã ký của đơn vị ủy thác; Giúp việc cho thành viên Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng CSXH huyện theo địa bàn được phân công phụ trách trong công tác xây dựng kế hoạch và trực tiếp tham gia giám sát tại cơ sở; Tham mưu công tác quản lý và xử lý nợ rủi ro; Thực hiện nhiệm vụ khác do tổ trưởng tổ tín dụng và Ban Giám đốc giao. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, từ năm 2018 - 2023, để có tiền sử dụng vào mục đích cá nhân Đinh Tiến Đ đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, làm trái công vụ, chiếm dụng, sử dụng trái phép nguồn tiền vốn vay của ngân hàng bằng thủ đoạn lợi dụng lòng tin, sự thiếu hiểu biết của khách hàng và tổ trưởng tổ TK & VV để vay tiền của khách hàng sau khi họ nhận tiền giải ngân, nhờ đứng tên vay vốn hộ. Nhận tiền của khách hàng hoặc nhận thông qua tổ trưởng tổ TK & VV là tiền do khách hàng gửi để nhờ Đ trả một phần gốc trước hạn hoặc tất toán khoản vay nhưng không nộp vào ngân hàng để hạch toán trả tiền gốc, mà chiếm dụng, sử dụng. Tổng số khoản vay có sai phạm tại địa bàn 04 xã do Đinh Tiến Đ phụ trách là 57 khoản vay, tổng số tiền là: **1.759.500.000 đồng**, trong đó có các nhóm hành vi cụ thể như sau:

1. Đối với hành vi bị cáo nhận tiền của khách hàng nhờ bị cáo trả một phần gốc trước hạn hoặc tắt toán khoản vay nhưng bị cáo không nộp tiền vào ngân hàng để trả gốc, tắt toán khoản vay cho khách hàng, mà chiếm dụng, sử dụng cho cá nhân đối với 29 khoản vay với tổng số tiền 903.000.000đ, khách hàng trực tiếp giao dịch, nhận tiền vốn vay và đã sử dụng đúng mục đích. Quá trình sử dụng vốn vay khách hàng không có nhu cầu sử dụng vốn vay nữa, trả một phần hoặc toàn bộ khoản vay trước thời hạn. Những người này thường không biết chữ, điều kiện đi lại khó khăn nên đã đưa tiền nhờ Đinh Tiến Đ hoặc thông qua tổ trưởng tổ TK&VV để trả một phần gốc hoặc tắt toán khoản vay nhưng bị cáo không nộp tiền vào ngân hàng, hướng dẫn họ làm thủ tục theo quy định để tắt toán mà chiếm dụng, sử dụng cho mục đích cá nhân, nội dung từng khoản vay có sai phạm bao gồm:

1.1. Khách hàng Pì Thị M, trú tại thôn Đ, xã S: Ngày 12/02/2022, bà Pì Thị M vay vốn ngân hàng, số tiền là 25.000.000đ, lãi suất 6,6%/năm, mục đích vay vốn để mua bò sinh sản, thời hạn vay 60 tháng. Bà M trực tiếp ký hồ sơ vay vốn và nhận tiền tại điểm giao dịch. Quá trình sử dụng vốn vay, khoản tháng 11/2022, bà M đưa tiền cho Đinh Tiến Đ để nhờ trả gốc, tắt toán khoản vay nhưng bị cáo không nộp vào Ngân hàng để tắt toán mà chiếm dụng, sử dụng, hàng tháng bị cáo nộp tiền lãi đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi vụ việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023, bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tắt toán khoản vay để khắc phục hậu quả.

1.2. Khách hàng Giàng Dũng S, trú tại thôn P, xã S (vắng mặt tại địa phương): Ngày 12/9/2020, ông Giàng Dũng S vay vốn ngân hàng, số tiền 20.000.000đ, mục đích vay vốn để mua bò sinh sản, lãi suất 7,92%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Ông S trực tiếp ký hồ sơ vay vốn và nhận tiền giải ngân tại điểm giao dịch. Quá trình sử dụng vốn vay, tháng 4/2021, ông S đưa 20.000.000đ cho Đinh Tiến Đ để tắt toán khoản vay trên nhưng bị cáo không nộp vào ngân hàng làm thủ tục tắt toán mà chiếm dụng sử dụng, hàng tháng bị cáo nộp lãi đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi vụ việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023, bị cáo nộp tiền vào Ngân hàng tắt toán khoản vay khắc phục hậu quả.

1.3. Khách hàng Bùi Thị Thùy L, trú tại thôn Đt, xã S (vắng mặt tại địa phương): Ngày 25/12/2018, bà Bùi Thị Thùy L vay vốn ngân hàng, số tiền 50.000.000đ, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay vốn để mua bò sinh sản. Quá trình sử dụng vốn vay bà L đã trả 30.000.000đ tiền gốc cho ngân hàng (tháng 9/2019 trả 10.000.000đ, tháng 3/2020 trả 20.000.000đ). Số tiền dư nợ còn lại (20.000.000đ) do có tiền tiết kiệm trong tài khoản vay trước đó nên bà L đã chuyển thêm vào tài khoản của Đ 19.530.000đ để tắt toán khoản vay (ngày 21/8/2021 chuyển 10.000.000đ, ngày 28/12/2021 chuyển 9.530.000đ) nhưng bị cáo không tắt toán mà chiếm dụng, sử dụng, hàng tháng bị cáo nộp lãi đối với số

tiền đã sử dụng. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023 bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tất toán khoản vay để khắc phục hậu quả.

1.4. Khách hàng Vừ Mí C, trú tại thôn L, xã S (vắng mặt tại địa phương): Ngày 12/12/2022, ông Vừ Mí C vay vốn ngân hàng, số tiền 15.000.000đ mục đích vay vốn để mua bò sinh sản, lãi suất 6,6%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Ông C trực tiếp ký hồ sơ vay vốn và nhận tiền giải ngân tại điểm giao dịch. Quá trình sử dụng vốn vay, tháng 4/2023 ông C đưa 15.000.000đ cho Đinh Tiến Đ để nhờ trả gốc, tất toán khoản vay nhưng Đ không nộp vào ngân hàng, làm thủ tục tất toán mà chiếm dụng, sử dụng, hàng tháng Đ nộp lãi đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023, bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tất toán khoản vay để khắc phục hậu quả.

1.5. Khách hàng Vừ Mí S, trú tại thôn Đ, xã S: Ngày 12/01/2020, ông Vừ Mí S vay ngân hàng, số tiền 18.000.000đ, lãi suất 7,920%/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay vốn để mua bò sinh sản. Ông S trực tiếp ký hồ sơ vay vốn và nhận tiền giải ngân tại điểm giao dịch. Quá trình sử dụng vốn vay, ông S đã trả được 9.000.000đ tiền gốc, đến ngày 21/04/2023, ông S đưa 9.000.000đ tiền cho Đinh Tiến Đ để nhờ trả gốc, tất toán khoản vay nhưng Đ không nộp vào ngân hàng làm thủ tục tất toán mà chiếm dụng sử dụng, hàng tháng bị cáo nộp lãi đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023, bị cáo nộp tiền vào ngân hàng để tất toán khoản vay.

1.6. Khách hàng Vàng Mí L, trú tại thôn K, xã T: Ngày 07/9/2021, ông Vàng Mí L vay vốn ngân hàng, số tiền 30.000.000đ, lãi suất 7,92%/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay vốn để mua bò sinh sản. Quá trình sử dụng vốn vay, khoảng tháng 9/2023, ông L đưa tiền mặt 30.000.000đ cho Đinh Tiến Đ để tất toán nhưng bị cáo không làm thủ tục tất toán mà chiếm dụng sử dụng, hàng tháng bị cáo nộp lãi đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 9/11/2023 bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tất toán khoản vay để khắc phục hậu quả.

1.7. Khách hàng Vàng Mí V, trú tại thôn S, xã T: Ngày 07/10/2020, ông Vàng Mí V vay ngân hàng, số tiền 50.000.000đ, lãi suất 7,920%/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay để mua bò sinh sản. Khoảng tháng 6/2022, ông V cùng ông Vàng Chá L tổ trưởng Tổ TK&VV đến nhà Đinh Tiến Đ đưa 50.000.000đ cho bị cáo để tất toán khoản vay, lập hồ sơ vay món mới với số tiền 100.000.000đ. Tuy nhiên, bị cáo chỉ làm thủ tục cho gia đình ông V vay khoản mới với số tiền 100.000.000đ, người đứng tên khoản vay là bà Ly Thị L (vợ ông V) mà không tất toán khoản vay ông đứng tên V trước đó, chiếm dụng sử dụng, hàng tháng bị cáo nộp lãi đầy đủ đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023, bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tất toán khoản vay đứng tên ông V để khắc phục hậu quả.

1.8. Khách hàng Vàng Mí G, trú tại thôn C, xã T: Ngày 22/2/2019, ông Vàng Mí G vay vốn ngân hàng, số tiền 50.000.000đ, lãi suất là 8,250%/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay vốn để mua bò sinh sản. Ông G trực tiếp ký hồ sơ vay vốn và nhận tiền giải ngân tại điểm giao dịch. Quá trình sử dụng vốn vay, khoảng tháng 5/2022 ông G đưa 50.000.000đ cho Đinh Tiến Đ để nhờ trả gốc tất toán khoản vay nhưng bị cáo không làm thủ tục tất toán mà giữ lại sử dụng, hàng tháng bị cáo nộp lãi đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023, bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tất toán khoản vay để khắc phục hậu quả.

1.9. Khách hàng Đỗ Thị L, trú tại thôn N, xã T: Ngày 07/10/2018, bà L vay vốn ngân hàng, số tiền 30.000.000đ, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay vốn để nuôi bò sinh sản. Quá trình sử dụng vốn vay, từ năm 2020 - 2021 (sau khi chuyển về quê) bà L đã trả tiền gốc và lãi qua tài khoản cá nhân của Đinh Tiến Đ, nhờ trả tiền gốc và lãi với tổng số tiền là 30.700.000đ (ngày 9/11/2020, chuyển 700.000đ, ngày 26/01/2021 chuyển 3.500.000đ, ngày 18/6/2021 chuyển 8.000.000đ, ngày 18/9/2021 chuyển 6.000.000đ, ngày 29/10/2021 chuyển 5.000.000đ, ngày 07/12/2021 chuyển 7.500.000đ). Tuy nhiên, bị cáo không nộp tiền tất toán khoản vay mà chiếm dụng, sử dụng. Ngày 02/10/2023, khoản vay đến hạn, bị cáo tự ý viết giấy đề nghị gia hạn nợ và ký giả mạo chữ ký bà L, sau đó chuyển đến Tổ trưởng tổ TK&VV, hội đoàn thể, UBND xã ký xác nhận để làm thủ tục gia hạn nợ đối với khoản vay, hàng tháng bị cáo nộp lãi đối với số tiền đã sử dụng. Do bà L chuyển về quê chỉ thực hiện thủ tục cắt chuyển thông tin cư trú tại Công an xã, không báo với hội đoàn thể và UBND xã. Mặt khác, hàng tháng bị cáo đưa tiền cho tổ trưởng tổ TK & VV và nói rằng bà L nộp tiền lãi nên các cá nhân có liên quan không nắm được việc bà L chuyển vùng và đã trả khoản vay tại ngân hàng mà vẫn ký xác nhận vào giấy đề nghị gia hạn nợ. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023 bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tất toán khoản vay để khắc phục hậu quả.

1.10. Khách hàng Vàng Mí C, trú tại thôn S, xã T (hiện vắng mặt tại địa phương): Ngày 26/6/2019, ông Vàng Mí C vay ngân hàng, số tiền 80.000.000đ, lãi suất 7,920%/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay để mua bò sinh sản. Tháng 9/2022 ông C có nhu cầu đảo nợ để vay khoản mới với mức lãi suất thấp hơn, Đinh Tiến Đ đã làm hồ sơ khoản vay mới, người đứng tên vay vốn là ông Vàng Mí P (bố của ông C), số tiền vay 80.000.000đ. Tuy nhiên, bị cáo không làm thủ tục tất toán khoản vay cũ do ông C đứng tên mà chiếm dụng số tiền 80.000.000đ, sử dụng cá nhân, hàng tháng bị cáo nộp lãi đều đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023 bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tất toán khoản vay đứng tên ông C để khắc phục hậu quả.

1.11. Khách hàng Ly Mí G, trú tại thôn S, xã T (đã chết năm 2021): Ngày 07/11/2020, ông Ly Mí G vay vốn ngân hàng, số tiền 14.000.000đ, lãi suất là 8,250%/tháng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay để mua bò sinh sản. Ông G trực tiếp ký hồ sơ vay vốn và nhận tiền giải ngân tại điểm giao dịch. Trong quá trình sử dụng vốn vay, năm 2021 gia đình ông G đã đưa 14.000.000đ cho Đình Tiến Đ để nhờ trả gốc tất toán khoản vay cũ và làm thủ tục vay vốn mới. Tuy nhiên, bị cáo chỉ làm thủ tục cho bà Và Thị P (vợ ông G) vay vốn với số tiền 50.000.000đ mà không tất toán khoản vay đứng tên ông G trước đó mà giữ lại sử dụng cho cá nhân, hàng tháng bị cáo nộp lãi đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023 bị cáo nộp tiền vào ngân hàng, tất toán khoản vay đứng tên ông G để khắc phục hậu quả.

1.12. Khách hàng Vàng Mí C (tên khác Vàng Sĩa C), trú tại thôn C, xã T: Ngày 07/11/2021, ông Vàng Sĩa C vay vốn ngân hàng, số tiền 40.000.000đ, lãi suất 8,250%/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay vốn để mua bò sinh sản. Ông C trực tiếp điền chỉ trên hồ sơ vay vốn và nhận tiền giải ngân tại điểm giao dịch. Quá trình sử dụng vốn vay, năm 2022 ông C nhờ ông Vàng Chìa L (tổ trưởng tổ TK&VV) đưa số tiền 40.000.000đ cho Đình Tiến Đ để nhờ trả gốc tất toán khoản vay nhưng bị cáo không nộp vào ngân hàng, làm thủ tục tất toán mà chiếm dụng sử dụng, hàng tháng bị cáo nộp lãi đầy đủ đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023 bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tất toán khoản vay khắc phục hậu quả.

1.13. Khách hàng Giàng Pháy C, trú tại thôn C, xã T: Ngày 07/5/2021, ông Giàng Pháy C vay ngân hàng, số tiền 10.000.000đ, lãi suất 6,6%/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay vốn để mua bò sinh sản. Ông C điền chỉ vào hồ sơ vay vốn và nhận tiền giải ngân tại điểm giao dịch. Quá trình sử dụng vốn vay ông C đã nhờ ông Vàng Chìa L Tổ trưởng tổ TK&VV đưa 10.000.000đ cho Đình Tiến Đ để nhờ trả gốc tất toán khoản vay (không nhớ thời gian đưa tiền), tuy nhiên bị cáo không nộp vào ngân hàng mà chiếm dụng, sử dụng, hàng tháng bị cáo nộp lãi đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023 bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tất toán khoản vay để khắc phục hậu quả.

1.14. Khách hàng Vàng Mí C, trú tại thôn Đ, xã T (vắng mặt tại địa phương): Ngày 7/3/2022, ông Vàng Mí C vay tiền ngân hàng, số tiền 8.000.000đ, lãi suất 6,6%/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay vốn để mua bò sinh sản. Tháng 9/2022, do gia đình ông C có nhu cầu vay thêm tiền nên đã đưa 8.000.000đ cho Đình Tiến Đ để nhờ trả gốc tất toán khoản vay này và làm hồ sơ vay vốn mới, với số tiền là 50.000.000đ. Tuy nhiên bị cáo không tất toán khoản vay 8.000.000đ mà chiếm dụng, hàng tháng bị cáo nộp lãi cho số tiền đã sử dụng. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 14/11/2023 bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tất toán khoản vay để khắc phục hậu quả.

1.15. Khách hàng Phan Thị H, trú tại thôn C, xã P: Ngày 10/6/2022, bà H vay vốn ngân hàng, số tiền 50.000.000đ, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 24 tháng, mục đích vay vốn để sử dụng để mở quán ăn sáng. Bà H nhận tiền vay trực tiếp từ cán bộ tín dụng tại điểm giao dịch xã. Ngày 24/8/2023 ông Hoàng Văn H (chồng bà H) đã chuyển khoản 35.000.000đ cho Đinh Tiến Đ để nhờ trả một phần tiền gốc (01 lần 20.000.000đ, 01 lần 15.000.000đ từ tài khoản số 8206205113927 đến tài khoản số 8202205005587 của bị cáo), Đ nói với vợ chồng bà H sẽ cho vay thêm 15.000.000đ để tất toán khoản vay của gia đình, tuy nhiên bị cáo không thực hiện mà chiếm dụng, sử dụng, hàng tháng bị cáo nộp lãi đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 06/11/2023, bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tất toán khoản vay để khắc phục hậu quả.

1.16. Khách hàng Ly Thị S, trú tại thôn C, xã P: Ngày 10/5/2020, bà Ly Thị S vay vốn ngân hàng, số tiền 30.000.000đ, lãi suất là 6,6%/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay vốn để mua bò sinh sản. Bà S ký hồ sơ vay vốn và nhận tiền giải ngân tại điểm giao dịch. Quá trình sử dụng vốn vay, khoảng tháng 6/2021, bà S đưa số tiền 30.000.000đ cho Đinh Tiến Đ để nhờ trả gốc tất toán khoản vay, tuy nhiên bị cáo không làm thủ tục tất toán mà chiếm dụng, sử dụng, hàng tháng bị cáo nộp lãi đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023 bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tất toán khoản vay để khắc phục hậu quả.

1.17. Khách hàng Cung Phủ V, trú tại thôn C, xã P: Ngày 10/03/2021, ông Cung Phủ V vay vốn ngân hàng, số tiền 30.000.000đ, lãi suất 7,92 %/ năm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay vốn để mua trâu sinh sản. Quá trình sử dụng vốn vay, khoảng tháng 10/2023, ông V đến ngân hàng chính sách huyện Đ đưa tiền cho Đinh Tiến Đ để nhờ tất toán khoản vay, tuy nhiên bị cáo không làm thủ tục tất toán mà chiếm dụng sử dụng, hàng tháng bị cáo nộp lãi đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023, bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tất toán khoản vay để khắc phục hậu quả.

1.18. Khách hàng Thào Mí S, trú tại thôn P, xã P (vắng mặt tại địa phương): Ngày 10/12/2022, ông Thào Mí S (thường gọi là S A) vay vốn ngân hàng, số tiền 60.000.000đ, lãi suất 6,6%, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay vốn để mua bò sinh sản. Khoảng tháng 9/2023, ông S nộp tiền lãi và đưa 10.000.000đ cho ông Thào Mí K- Tổ trưởng Tổ TK&VV để trả một phần gốc. Khi ông K đến nộp tiền giao dịch tại điểm giao dịch, Đinh Tiến Đ nói rằng hôm nay chỉ thu lãi, tiền gốc để tháng sau nộp và bảo ông K cho bị cáo mượn tiền, đến tháng sau sẽ trả. Tuy nhiên bị cáo không trả tiền như đã hứa mà sử dụng số tiền đó. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023 bị cáo nộp tiền vào ngân hàng để khắc phục hậu quả.

1.19. Khách hàng Giàng Thị D, trú tại thôn T, xã P: Gia đình bà D lần đầu tiên vay 5.000.000đ để làm nhà do thời gian đã lâu nên bà D không nhớ thời hạn vay, mức lãi suất cụ thể. Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ gia đình bà D không

có tiền để trả món vay trên, sau đó gia đình bà D vay thêm đến khi tổng số tiền vay là 50.000.000đ, các lần vay vốn đều đứng tên chồng bà D (*ông Hầu Mí C*). Sau khi ông C chết (*năm 2018*) Đình Tiến Đ làm hồ sơ vay vốn chuyển người đứng tên sang bà D, khoản vay đã được phê duyệt, đến ngày giải ngân (*10/8/2018*), bà D đã điền chỉ trên chứng từ giải ngân nhưng sau đó đã gom đủ tiền để trả nợ, do tại thời điểm đó đã hạch toán giải ngân nên bị cáo cảm tiền của bà D sử dụng cá nhân, mà không tắt toán khoản vay của bà D, hàng tháng bị cáo nộp tiền lãi đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023, bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tắt toán khoản vay để khắc phục hậu quả.

1.20. Khách hàng Củng Chấn T, trú tại thôn C, xã P (*vắng mặt tại địa phương*): Ngày 10/11/2018, ông T vay vốn ngân hàng 02 khoản (*khoản vay 50.000.000đ, lãi suất 9%/năm, thời gian vay 60 tháng, mục đích vay vốn để mua bò sinh sản; khoản vay 20.000.000đ, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay vốn để sửa bể chứa nước, sửa nhà vệ sinh*). Cả 02 khoản vay ông T đều ký hồ sơ vay vốn và nhận tiền giải ngân tại điểm giao dịch. Quá trình sử dụng vốn vay, ông T đưa 70.000.000đ cho Đình Tiến Đ để nhờ trả gốc, tắt toán hai khoản vay trên, nhưng Đ không nộp vào để tắt toán mà chiếm dụng, sử dụng, hàng tháng bị cáo nộp lãi đối với số tiền đã sử dụng (*hiện không xác định được thời gian ông T đưa tiền cho bị cáo, do khách hàng đi làm thuê vắng mặt tại địa phương*). Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023 bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tắt toán khoản vay để khắc phục hậu quả.

1.21. Khách hàng Thào Mí H, trú tại thôn T, xã P (*vắng mặt tại địa phương*): Ngày 10/09/2020, ông Thào Mí H vay vốn ngân hàng, số tiền 27.000.000đ, lãi suất 8,250%/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay vốn để mua bò sinh sản. Quá trình sử dụng vốn vay, ông H đã đưa 27.000.000đ cho Đình Tiến Đ để nhờ trả gốc, tắt toán khoản vay nhưng Đ không tắt toán mà chiếm dụng, sử dụng, hàng tháng bị cáo nộp lãi đối với số tiền đã sử dụng (*không xác định được thời gian ông H đưa tiền cho bị cáo, ông H vắng mặt tại địa phương*). Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023 bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tắt toán khoản vay để khắc phục hậu quả.

1.22. Khách hàng Giàng Súa M, trú tại thôn M, xã P: Ngày 10/9/2019, ông M vay vốn ngân hàng, số tiền 10.000.000đ, lãi suất 7,920%/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay vốn để mua bò sinh sản. Ông M điền chỉ hồ sơ vay vốn và nhận tiền giải ngân tại điểm giao dịch xã. Quá trình sử dụng vốn vay, khoảng tháng 8 năm 2023 ông M đưa 10.000.000đ cho Đình Tiến Đ để làm thủ tục trả gốc, tắt toán khoản vay nhưng bị cáo không làm thủ tục tắt toán mà chiếm dụng, sử dụng, hàng tháng bị cáo nộp lãi đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023 bị cáo nộp tiền vào ngân hàng để tắt toán khoản vay.

1.23. Khách hàng Giàng Thị M, trú tại thôn P, xã P (vắng mặt tại địa phương): Ngày 10/6/2019, bà Giàng Thị M vay vốn ngân hàng, số tiền là 50.000.000đ, lãi suất 8,250%/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay vốn để mua bò sinh sản. Khoảng tháng 03/2023 bà M đưa 50.000.000đ cho Đình Tiến Đ để nhờ trả gốc, tất toán món vay, tuy nhiên bị cáo không nộp vào ngân hàng trả gốc cho bà M mà chiếm dụng, sử dụng. Hàng tháng bị cáo nộp lãi đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi vụ việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023 bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tất toán khoản vay để khắc phục hậu quả.

1.24. Khách hàng Mua Mí H, trú tại thôn T, xã P (vắng mặt tại địa phương): Ngày 10/12/2021, ông Mua Mí H làm thủ tục vay vốn ngân hàng, số tiền 40.000.000đ. Sau khi nhận tiền giải ngân tại điểm giao dịch xã, ông H đưa cho bị cáo 20.000.000đ để nhờ trả gốc, tất toán khoản vay trước đó, tuy nhiên Đình Tiến Đ chỉ lập hồ sơ giải ngân khoản vay mới mà không tất toán khoản vay trước đó của ông H. Qua công tác theo dõi cho vay thu nợ của ngân hàng và hồ sơ vay vốn của ông H thể hiện: Ngày 09/05/2023 Ngân hàng hạch toán thu nợ khoản vay 2018, số tiền 20.000.000đ và giải ngân khoản vay mới, số tiền 20.000.000đ đứng tên ông Mua Mí H. Kết quả điều tra bị cáo, hội đoàn thể và Tổ trưởng tổ TK&VV đều khẳng định Đ sử dụng 20.000.000đ của ông H, hàng tháng bị cáo nộp lãi đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi bị phát hiện, ngày 05/11/2023 bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tất toán khoản vay 20.000.000đ của ông H để khắc phục hậu quả. Hiện dư nợ của ông H tại ngân hàng là 40.000.000đ.

1.25. Khách hàng Phạm Văn H, trú tại thôn T, xã L: Ngày 18/04/2022, ông H vay vốn ngân hàng, số tiền là 50.000.000đ, lãi suất là 9%/năm, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay vốn để mua bò sinh sản. Sau khi nhận tiền giải ngân ông H có khó khăn về việc tìm kiếm giống nên không mua bò để nuôi. Do Đình Tiến Đ đã vay 4.000.000đ của ông H trước đó, nên tháng 12/2022 ông H chuyển khoản cho Đ 46.000.000đ để nhờ trả gốc, tất toán khoản vay tại ngân hàng nhưng bị cáo không tất toán mà chiếm đoạt, hàng tháng bị cáo nộp lãi đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 14/11/2023, bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tất toán khoản vay để khắc phục hậu quả.

1.26. Khách hàng Cử Thị X, trú tại thôn T, xã L: Ngày 18/6/2021, bà Cử Thị X vay vốn ngân hàng, số tiền là 60.000.000đ, lãi suất 7,92%/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay vốn để mua bò sinh sản. Tháng 12 năm 2022, bà X đưa 60.000.000đ cho Đình Tiến Đ để nhờ bị cáo trả gốc, tất toán khoản vay. Tuy nhiên bị cáo không làm thủ tục tất toán mà chiếm dụng, sử dụng, hàng tháng bị cáo nộp lãi đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023 bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tất toán khoản vay để khắc phục hậu quả.

1.27. Khách hàng Lù Mí V, trú tại thôn T, xã L: Ngày 18/11/2018, ông V vay vốn ngân hàng, số tiền 20.000.000đ, lãi suất 6,6%/năm, thời gian vay 60 tháng,

mục đích vay vốn để mua bò sinh sản. Quá trình sử dụng vốn vay khoảng tháng 07/2023 ông V đưa 20.000.000đ cho Đình Tiến Đ để trả gốc, tất toán khoản vay nhưng bị cáo không tất toán mà chiếm đoạt, hàng tháng bị cáo nộp lãi đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023 bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tất toán khoản vay để khắc phục hậu quả.

1.28. Khách hàng Giàng Lìa S, trú tại thôn T, xã L: Ngày 18/11/2018, ông S vay vốn ngân hàng, số tiền 30.000.000đ lãi suất 7,920%/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay vốn để mua bò sinh sản. Quá trình sử dụng vốn vay, ngày 15/04/2023, con trai ông S (*Giàng Mí C*) chuyển 30.000.000đ/02 lần vào tài khoản của Đình Tiến Đ để nhờ bị cáo trả gốc, tất toán khoản vay. Tuy nhiên bị cáo không tất toán mà chiếm đoạt, hàng tháng bị cáo nộp lãi đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023 bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tất toán khoản vay để khắc phục hậu quả.

1.29. Khách hàng Giàng Chá D, trú tại thôn T, xã L: Ngày 18/12/2020, ông D vay ngân hàng số tiền 10.000.000đ, lãi suất 3,3%/năm, thời hạn vay 38 tháng, mục đích vay vốn để mua bò sinh sản. Ông D trực tiếp giao dịch, ký hồ sơ vay vốn và nhận tiền giải ngân tại điểm giao dịch. Quá trình sử dụng vốn vay, khoảng tháng 2/2022 ông D đưa 10.000.000đ cho Đình Tiến Đ để trả gốc, tất toán khoản vay, nhưng bị cáo không tất toán mà chiếm đoạt, hàng tháng bị cáo nộp lãi đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023 bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tất toán khoản vay để khắc phục hậu quả.

2. Hành vi Lợi dụng lòng tin của đồng nghiệp đối với cá nhân bị cáo (cán bộ tín dụng, tổ trưởng tổ giao dịch xã), đã giả mạo chữ ký của khách hàng trên chứng từ giải ngân và chiếm dụng, sử dụng tiền vốn vay đối với 03 khoản vay là 180.000.000đ: Đối với hành vi này, khách hàng không đến nhận tiền tại Phòng giao dịch hoặc điểm giao dịch, bị cáo trao đổi với giao dịch viên, kiểm soát viên trong phiên giao dịch là khách hàng có việc bận không kịp đến phiên giao dịch nhưng vẫn có nhu cầu vay vốn, sẽ đến nhận tiền giải ngân sau để giao dịch viên, kiểm soát viên tin và ký phiếu giải ngân trước. Sau khi kiểm soát viên và giao dịch viên ký phiếu giải ngân và thẻ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ, sau khi bị cáo liên lạc xác định những người này không có mặt tại địa phương, bị cáo đã nảy sinh ý định ký giả mạo chữ ký khách hàng trên phiếu giải ngân, thẻ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ và cầm tiền nhưng không giải ngân cho khách hàng mà chiếm dụng số tiền đó sử dụng, cụ thể các khoản vay như sau: (*Phụ lục số 02*)

2.1. Khách hàng Dùy Văn H, trú tại thôn P, xã P (vắng mặt tại địa phương): Khoảng tháng 5/2019, ông Dùy Văn H làm hồ sơ vay vốn ngân hàng, số tiền 80.000.000đ, mục đích vay vốn để nuôi bò sinh sản. Ngày 10/6/2019, ngân hàng phê duyệt giải ngân và thông báo cho khách hàng đến điểm giao dịch xã để nhận tiền. Tuy nhiên thời điểm này, ông H đã đi làm thuê ở Trung Quốc, không có mặt

tại địa phương, ông Thào Mí K tổ trưởng Tổ TK&VV báo với Đinh Tiến Đ cắt khoản vay trên, Đ nói đã duyệt cho vay rồi, bị cáo sẽ chịu trách nhiệm, khi nào H về bảo H đến gặp bị cáo. Tại phiên giao dịch, bị cáo đã trao đổi bà Lê Bích N (*giao dịch viên*), ông Lô Viết C (*kiểm soát viên*) trưởng hợp này khách hàng vẫn có nhu cầu vay vốn và nhận tiền sau, vì vậy bà N đã hạch toán, in chứng từ giải ngân, bà N, ông C ký trước chứng từ giải ngân để bị cáo liên hệ với khách hàng đến ký chứng từ nhận tiền sau. Lợi dụng sự tin tưởng của đồng nghiệp, sau khi giao dịch xong về bị cáo đã cầm tiền nhưng không đưa lại tiền cho khách hàng mà ký giả mạo chữ ký khách hàng trên phiếu giải ngân và thẻ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ để sử dụng trái phép tiền vốn vay, hàng tháng bị cáo nộp lãi đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023, bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tất toán khoản vay để khắc phục hậu quả.

2.2. Khách hàng Trương Thiên B, trú tại thôn P, xã P: Khoảng năm 2010, ông Trương Chấn P (*bố Trương Thiên B*) vay vốn ngân hàng, thuộc chương trình học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, số tiền 8.000.000đ. Năm 2016, ông P chết nên khoản vay đã tất toán và chuyển sang tên vợ là Vi Tường M. Trong năm 2018, bà M đã trả được 2.000.000đ tiền gốc trước hạn, sau đó vào khoảng tháng 6-7/2018 khi anh Ly Mí N (*tổ trưởng Tổ TK&VV*) và bà Cung Thị Q (*chủ tịch Hội nông dân*) đến nhà bà M thu tiền lãi. Bà M đã đưa cho anh N 6.000.000đ để nhờ tất toán khoản vay. Bà Q hỏi vay bà M số tiền trên vì khoản vay chưa đến hạn, hàng tháng bà Q nộp lãi đối với khoản vay cho tổ trưởng tổ TK&VV. Tháng 6/2023 khi khoản vay trên đến hạn, bà Q đã lập 01 bộ hồ vay vốn đứng tên Trương Thiên B, số tiền vay 50.000.000đ, đưa cho ông N ký xác nhận, mục đích là để trả nợ cho khoản vay của bà M và sử dụng thêm tiền vì bà Q đang cần tiền. Sau khi ông N ký, bà Q điền các thông tin về khoản vay đứng tên Trương Thiên B và ký mạo tên ông B dưới các mục khách hàng trong hồ sơ vay vốn (*bà Q nhờ ông B đứng tên làm thủ tục vay vốn, ký nhận tiền giải ngân, tuy nhiên ông B không đồng ý*). Vì ông B không đồng ý giúp đứng tên vay vốn và nhận tiền giải ngân nên bà Q đã thông báo với Đinh Tiến Đ để hủy khoản vay trên. Ngày giao dịch xong, khoản vay đứng tên bà M đã đến hạn, giao dịch viên (*Hà Quốc V*) và kiểm soát viên (*Đinh Thị Thu T*) đã hạch toán thu nợ xong mới biết khách hàng không có mặt để nhận tiền, sau khi giao dịch về bị cáo giả mạo chữ ký khách hàng trên chứng từ giải ngân và sử dụng 44.000.000đ, hàng tháng bị cáo nộp lãi đối với số tiền đã sử dụng. Khi biết Đ sử dụng khoản vay trên, bà Q đã chuyển 6.000.000đ vào tài khoản cá nhân của bị cáo. Tổng số tiền Đ đã chiếm dụng, sử dụng là 50.000.000đ. Ngày 05/11/2023, sau khi sự việc bị phát hiện Đ đã nộp tiền vào ngân hàng tất toán khoản vay để khắc phục hậu quả.

2.3. Khách hàng Vừ Mí S, trú tại thôn H, xã L: Ngày 26/12/2018, ông Vừ Mí S đăng ký vay vốn ngân hàng, ông S ký hồ sơ vay vốn, số tiền 50.000.000đ, lãi suất 6,6%/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay vốn để mua bò sinh sản.

Tuy nhiên thời điểm ngân hàng thông báo giải ngân, ông S không có mặt tại địa phương, Đinh Tiến Đ báo cho ông L tổ trưởng tổ TK&VV báo cho S đến Phòng giao dịch huyện lấy tiền. Giao dịch viên Đinh Thị Thu T, kiểm soát viên Hoàng Thị D sau khi hạch toán giải ngân xong mới biết khách hàng không đến nhận tiền, thủ quỹ Bùi Hải Y tiền đưa tiền cho bị cáo để liên hệ với khách hàng đến ký chứng từ giải ngân và nhận tiền sau. Lợi dụng sự tin tưởng của đồng nghiệp, bị cáo không gọi khách hàng đến nhận tiền mà đã giả mạo chữ ký khách hàng để chiếm đoạt, sử dụng. Đến năm 2019, Đ trả 25.000.000đ tiền gốc vào khoản vay. Ngày 18/12/2020, bị cáo làm thủ tục tắt toán, chuyển đổi chương trình cho vay theo văn bản 6580/NHCS - TDNN của Ngân hàng chính sách đối với khoản vay 25.000.000đ, ký giả mạo chữ ký khách hàng trên chứng từ và tiếp tục sử dụng tiền. Hàng tháng bị cáo nộp lãi đối với số tiền đã sử dụng. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023 bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tắt toán khoản vay để khắc phục hậu quả.

3. Hành vi nói dối khách hàng về điều kiện được giải ngân nguồn vốn vay trong chương trình cải tạo vườn tạp để yêu cầu khách hàng đưa lại tiền cho mình sau khi được giải ngân với đối với 02 khoản vay với tổng số tiền là 45.000.000đ chiếm dụng, sử dụng vào mục đích cá nhân mà không trả lại cho khách hàng sử dụng đúng mục đích của chương trình (Phụ lục số 03)

3.1. Khách hàng Thào Mí S B, trú tại thôn Phổ L B, xã Phổ L: Ngày 10/08/2021, ông S vay vốn ngân hàng, số tiền vay 30.000.000đ, lãi suất 0 %/năm, thời gian vay 30 tháng, mục đích vay vốn để cải tạo vườn tạp. Sau khi giải ngân, Đinh Tiến Đ yêu cầu ông S đưa lại số tiền trên cho bị cáo để sau khi có đoàn kiểm tra của huyện, xã về mục đích cải tạo vườn tạp mới được nhận tiền. Ông S tin là sự thật nên đã đưa lại tiền cho bị cáo, sau đó bị cáo chiếm dụng, sử dụng, mà không phải trả lãi hàng tháng. Sau khi bị phát hiện, ngày 05/11/2023 bị cáo nộp tiền vào ngân hàng tắt toán khoản vay để khắc phục hậu quả.

3.2. Khách hàng Thào Mí G, trú tại thôn T, xã Phổ L: Ngày 24/9/2021, ông Thào Mí G vay vốn ngân hàng, số tiền 30.000.000đ, lãi suất 0%/năm, thời hạn vay là 30 tháng, mục đích vay vốn để mua lợn, gà, dê và cây giống. Do bị cáo đăng ký thông tin khoản vay trên hệ thống nhầm nên trên thẻ lưu tờ rời theo dõi cho vay, thu nợ thể hiện lãi suất 7,8% (ngày 29/9/2021 ngân hàng phát hiện sai sót đã điều chỉnh trên hệ thống, xóa lãi). Thời điểm giải ngân Đinh Tiến Đ nói với ông G “cải tạo vườn tạp qua kiểm tra chưa đảm bảo cần tiếp tục khắc phục nên chỉ giải ngân 15.000.000đ trước, khi đủ điều kiện sẽ đưa nốt số tiền còn lại”. Do tin tưởng bị cáo nên sau khi nhận tiền giải ngân, ông G đưa cho bị cáo 15.000.000đ, bị cáo đã sử dụng số tiền trên cho mục đích cá nhân, hàng tháng bị cáo không phải nộp lãi đối với số tiền trên. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/11/2023 bị cáo nộp tiền vào ngân hàng để khắc phục hậu quả.

Quá trình sử dụng nguồn vốn vay, sau khi bị tổ trưởng tổ TK& VV phát hiện, hỏi lại. Bị cáo Đinh Tiến Đ đã khẳng định với các tổ trưởng tổ TK& VV hoặc khách hàng là bị cáo sẽ tự chịu trách nhiệm hạch toán đối với các khoản vay đó. Hàng tháng bị cáo đều nộp tiền lãi phát sinh đối với các khoản tiền đã chiếm dụng (*đưa tiền cho tổ trưởng tổ TK& VV để cập nhật vào bảng kê thu lãi hàng tháng, nộp vào ngân hàng trong ngày giao dịch xã*).

Tổng số tiền Đinh Tiến Đ đã chiếm dụng trái phép, sử dụng cho mục đích cá nhân đối với cả ba hành vi trên là 1.128.000.000 đồng.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn xác định, có 22 khoản vay/581.500.000đồng khách hàng trực tiếp giao dịch, nhận tiền vốn vay phòng giao dịch huyện hoặc điểm giao dịch, ngay sau khi giải ngân bị cáo chủ động vay lại tiền của khách hàng và 01 khoản vay/50.000.000đ khách hàng đứng tên vay vốn hộ bị cáo, sau khi nhận tiền giải ngân đưa toàn bộ số tiền đã nhận cho bị cáo. Tổng là 23 khoản vay/631.500.000đồng. Với nhóm hành vi này, mặc dù đúng theo quy định bị cáo không thuộc đối tượng thụ hưởng của Ngân hàng chính sách xã hội, không được sử dụng nguồn vốn trên, nguồn vốn đã không được sử dụng đúng mục đích. Tuy nhiên, sau khi các hộ dân được giải ngân theo đúng đối tượng thụ hưởng và được bị cáo Đ hỏi vay lại tiền, họ đã tự nguyện cho Đ vay mà không có ý kiến gì. Như vậy, xác định ở đây có sự đồng thuận giữa người dân trong việc cho Đinh Tiến Đ vay lại sử dụng số tiền trên. Việc Đ được sử dụng nguồn vốn sai đối tượng, sai mục đích là có một phần lỗi của khách hàng. Do đó, xác định đây là giao dịch dân sự, nên tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14/01/2025, Viện kiểm sát rút một phần quyết định truy tố đối với Đinh Tiến Đ.

Ngày 30/7/2024, Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 612/QĐ-CSKT, về việc trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh giám định chữ viết, chữ ký trên hồ sơ vay vốn, chứng từ giải ngân đối với 04 trường hợp bị cáo khai báo ký giả mạo chữ ký khách hàng.

Tại bản Kết luận giám định số: 286/KL-KTHS, ngày 10/08/2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự đã kết luận các nội dung có liên quan theo quyết định trưng cầu giám định, trong đó có nội dung sau:

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Trương Thiên B dưới mục “*Người vay*”, “*Bên được ủy quyền*”, “*Khách hàng*” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A4 so với chữ viết của Trương Thiên B trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M4 đến M7 không phải do cùng một người viết ra;

Không đủ cơ sở kết luận chữ viết “B” tại cột “*Ký xác nhận của người vay*”, “*Người vay*” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A3, A5 so với chữ viết của Trương Thiên B trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M4 đến M7 có phải do cùng một người viết ra hay không;

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Vừ Mí S dưới mục “khách hàng” trên mẫu cần giám định ký hiệu A6 (*phiếu giải ngân của khách hàng Vừ Mí S, ngày 26/12/2018*) so với chữ ký, chữ viết của Vừ Mí S trên các mẫu so sánh ký hiệu M8 đến M10 không phải do cùng một người ký và viết ra;

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết đứng tên Vừ Mí S dưới mục “Khách hàng” tại cột “Người vay” trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A7 - A9 so với chữ ký, chữ viết của Vừ Mí S trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M8 - M10 có phải do cùng một người ký và viết ra hay không.

- Chữ viết đứng tên Đỗ Thị L từ dòng 01 đến dòng 12, tính từ trên xuống, trên mẫu cần giám định ký hiệu A10 (*giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 02/10/2023 của khách hàng Đỗ Thị L*) so với chữ viết của Đinh Tiến Đ trên các mẫu so sánh, ký hiệu từ M1, M2 do cùng một người viết ra;

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Đỗ Thị L dưới mục “Người vay” trên mẫu cần giám định ký hiệu A10 (*giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 02/10/2023 của khách hàng Đỗ Thị L*) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Đỗ Thị L trên các mẫu so sánh ký hiệu M11 đến M13 không phải do cùng một người ký và viết ra.

Quá trình điều tra, cơ quan CSĐT đã yêu cầu bị cáo và khách hàng kiểm tra lại hồ sơ gốc các khoản vay và chứng từ giải ngân để xác nhận chữ ký, chữ viết. Bị cáo Đinh Tiến Đ khai nhận là người ký giả mạo chữ ký khách hàng trên chứng từ giải ngân và giấy đề nghị gia hạn nợ của các khách hàng gồm: Dùy Văn H, Trương Thiên B cùng trú tại xã Phố L; Vừ Mí S trú tại xã L và Đỗ Thị L trú tại T. Tại cơ quan điều tra, khách hàng Trương Thiên B, Vừ Mí S, Đỗ Thị L đều khẳng định chữ ký, chữ viết trên chứng từ giải ngân và giấy đề nghị gia hạn nợ không phải do họ ký và viết ra.

Tại Bản án số 16/2025/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đinh Tiến Đ phạm tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 355; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Tiến Đ 13 (*mười ba*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (*ngày 28/3/2024*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí, tuyên các quyền và nghĩa vụ khác.

Ngày 19/3/2025, bị cáo Đinh Tiến Đ nộp đơn kháng cáo đề nghị giảm hình phạt tù.

Ngày 25/3/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKSHG-P1 đề nghị xét xử phúc thẩm

theo hướng thay đổi tội danh và hình phạt đối với bị cáo Đinh Tiến Đ, đề nghị xét xử bị cáo Đinh Tiến Đ về tội Sử dụng trái phép tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đinh Tiến Đ thừa nhận hành vi phạm tội nêu trong nội dung bản án sơ thẩm là đúng. Bị cáo đề nghị giảm hình phạt tù vì mức án 13 năm tù là quá cao; số tiền bị cáo đã nộp lãi không ảnh hưởng đến chỉ tiêu nợ xấu, vẫn giữ được mức tài chính của Ngân hàng. Bị cáo nhất trí với kháng nghị của Viện kiểm sát.

Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội: Tòa án cấp sơ thẩm kết án và xử phạt bị cáo Đinh Tiến Đ 13 năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản” là không đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử kết án bị cáo Đinh Tiến Đ về tội Sử dụng trái phép tài sản, theo điểm a, d khoản 2 Điều 177 của Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo từ 03 năm tù đến 04 năm tù.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; tuy nhiên mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị từ 03 năm tù đến 04 năm tù là quá nghiêm khắc; bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở các điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo từ 02 năm tù đến 03 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Đinh Tiến Đ và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang làm đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đinh Tiến Đ thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Đinh Tiến Đ là cán bộ tín dụng của Ngân hàng CSXH huyện Đ, theo chức trách nhiệm vụ được phân công, bị cáo được giao quản lý và theo dõi giám sát hoạt động của các Tổ TK & VV, không được trực tiếp giao tiền hoặc nhận tiền của người dân (*khách hàng*). Các thủ tục vay vốn bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương, Tổ TK & VV hướng dẫn cho người dân thuộc đối tượng được vay; đôn đốc và theo dõi công nợ. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, lợi dụng sự thiếu hiểu biết của các hộ dân và sự tin tưởng của đồng nghiệp, bị cáo

Đinh Tiến Đ đã nhận tiền của 29 khách hàng nhờ bị cáo trả một phần gốc trước hạn hoặc tắt toán khoản vay nhưng bị cáo không nộp tiền vào Ngân hàng CSXH huyện Đ để trả gốc, tắt toán khoản vay cho khách hàng, mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết đối với tổng số tiền 903.000.000đồng/29 khách hàng đưa tiền cho bị cáo; Có 03 hộ dân nộp hồ sơ vay vốn, tại thời điểm giải ngân người dân không đến nhận tiền tại Phòng giao dịch hoặc điểm giao dịch, bị cáo Đinh Tiến Đ trao đổi với giao dịch viên, kiểm soát viên trong phiên giao dịch là khách hàng có việc bận không kịp đến phiên giao dịch nhưng vẫn có nhu cầu vay vốn, sẽ đến nhận tiền giải ngân sau để giao dịch viên, kiểm soát viên tin và ký phiếu giải ngân trước. Sau khi kiểm soát viên và giao dịch viên ký phiếu giải ngân và thẻ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ, sau đó Đinh Tiến Đ liên lạc, xác định những người này không có mặt tại địa phương nên bị cáo đã nảy sinh ý định ký giả mạo chữ ký khách hàng trên phiếu giải ngân, thẻ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ và cầm tiền nhưng không giải ngân cho khách hàng mà sử dụng để chi tiêu cá nhân hết. Có 02 trường hợp khách hàng được vay vốn với lãi suất 0%, để cải tạo vườn tạp, do cần tiền để chi tiêu nên ngay sau khi khách hàng nhận tiền giải ngân, bị cáo đã lừa dối khách hàng là ông Thào Mí S B đưa lại cho bị cáo toàn bộ số tiền 30.000.000đồng và lừa dối ông Thào Mí G đưa lại cho bị cáo 15.000.000đồng (*1/2 số tiền ông G được vay*), đến khi nào đủ điều kiện mới được nhận tiền, nhưng trên thực tế bị cáo sử dụng toàn bộ số tiền 45.000.000đồng để chi tiêu cá nhân hết. Tổng số tiền bị cáo đã nhận của các hộ dân và cán bộ Ngân hàng CSXH huyện Đ là 1.128.000.000đồng. Khi có đoàn thanh tra của ngành phát hiện sai phạm, bị cáo đã vay mượn anh em bạn bè trả lại toàn bộ số tiền này cho Ngân hàng.

[3] Bị cáo Đinh Tiến Đ là cán bộ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, đã thực hiện hành vi nhận tiền trả một phần nợ gốc hoặc tắt toán toàn bộ khoản vay của 31 khách hàng và nhận tiền của cán bộ Ngân hàng đối với 03 khoản vay thay cho 03 khách hàng vắng mặt tại thời điểm giải ngân là vượt quá chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của bị cáo; số tiền nhận được bị cáo sử dụng hết vào mục đích chi tiêu cá nhân là hành vi chiếm đoạt tài sản. Việc bị cáo trả lãi cho các khách hàng là thủ đoạn nhằm che giấu hành vi phạm tội của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm hại sự hoạt động đúng đắn của tổ chức và quyền sở hữu của công dân. Bị cáo là người có chức trách nhiệm vụ trong tổ chức Ngân hàng chính sách xã hội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Đinh Tiến Đ phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 355 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng

ng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang (Nay là Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang) cũng như quan điểm của Viện công tố và xét xử phúc thẩm tại Hà Nội và Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị xét xử bị cáo về tội Sử dụng trái phép tài sản, theo điểm a, d khoản 2 Điều 177 của Bộ luật Hình sự.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết của vụ án, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét nhân thân, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*Phạm tội 02 lần trở lên*" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, tích cực giúp đỡ Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, có bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, trong thời gian công tác được tặng 02 "*Giấy khen*", có ông nội được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Tiến Đ và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang (Nay là Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang), giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo:

Tuyên bố bị cáo Đinh Tiến Đ phạm tội "*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 355; điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đinh Tiến Đ 13 (*mười ba*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/3/2024.

3. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Đinh Tiến Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- CQĐT Công an tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu: HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Quang Dũng